

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 11/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 14

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Hôm nay tôi bắt đầu giảng kinh văn.

PHẨM THỨ TƯ: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA

Dưới đây là phần chánh tông của kinh này. Trong phần chánh tông này chủ yếu nói về nội dung tám phương diện sau:

1. Trình bày chi tiết về sự tu hành của A-di-đà Phật ở nhân địa.
2. Nói về thệ nguyện thù thắng của ngài Pháp Tạng.
3. Nói về y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.
4. Nói về chánh nhân của ba bậc vãng sanh.
5. Nói về sự tu trì của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.
6. Nói về nguyên nhân hình thành biên địa nghi thành.
7. Nói về ác khổ nơi uế độ Ta-bà.
8. Nói về thế giới Cực Lạc hiển hiện ra để chứng minh cho mọi người tin.

Nội dung phần này không những là chủ thể của toàn kinh mà còn là một bộ cương yếu của diệu pháp Tịnh tông. Kinh văn phẩm này nói về nhân duyên phát tâm học đạo của Di-đà khi còn ở nhân địa.

Bên trên xem như là báo cáo khái quát, mục đích là để mọi người tiện lợi học tập và nắm rõ các trọng điểm. Không biết như vậy có giúp ích cho mọi người hay không?

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật bảo A-nan: vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô số kiếp lâu xa trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, trụ thế giáo hóa bốn mươi hai kiếp. Khi ấy vì chư thiên và người đời mà thuyết kinh giảng đạo.

Chúng tôi chia đoạn kinh văn này thành ba đoạn nhỏ để giảng:

“Phật bảo A-nan: vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô số kiếp lâu xa trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai.”

“Vô số” tức là con số vô tận. Trước đó thêm vào “vô lượng chẳng thể nghĩ bàn”, tức càng nói trong vô số kiếp quá khứ lâu xa không thể nói rõ, có một đức Phật xuất hiện, tên là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai.

Trong sách Chân Giải nói: Dùng ba đức của niết-bàn để giải thích cho Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai: “Thế Gian”, có trí tuệ mới có thể thông đạt thế gian, đây là đức bát-nhã; “Tự Tại”, nếu bị phiền não trói buộc thì không tự tại, tự tại thì được giải thoát, đây là đức giải thoát; “Vương” đại biểu cho đức pháp thân, từ pháp thân mà lưu hiện ra tất cả. Có thể thấy, danh hiệu Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai hàm nhiếp trọn vẹn ba đức của niết-bàn.

“Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.”

Đoạn này là mười hiệu của Phật. Tất cả chư Phật đều có mười hiệu, trên thực tế thì có vô lượng đức hiệu, nhưng nói tóm lược thành mười. Có nhiều cách lý giải và liệt kê khác nhau về mười hiệu của Phật. Chú giải của kinh này dựa theo kinh Niết-bàn, nên chia “Vô Thượng Sĩ” và “Điều Ngự Trượng Phu” thành hai đức hiệu riêng, gộp “Phật” và “Thế Tôn” lại thành một. Còn cách giải thích trong Tịnh Ảnh Sớ thì ngược lại với kinh Niết-bàn. Tiếp theo nói về mười hiệu của Như Lai:

1. “Như Lai.” “Như” chính là chân như, từ đạo chân như mà thành Chánh giác, nên gọi là “Như Lai”. Lại nữa, Như Lai là giống như chư Phật quá khứ mà đến, chư Phật quá khứ thuyết pháp độ chúng sanh; Phật hiện nay cũng vậy, nên gọi là “Như Lai”. Trong Hội Sớ nói Như Lai có ba thân:

Thứ nhất, Như Lai pháp thân: kinh Kim Cang nói “không từ đâu đến, cũng không đi đâu”. Trong Thiên Thai Thọ Lượng Phẩm Sớ nói: Hiện hữu khắp mọi nơi mà không khác biệt, nên gọi là “Như”, không hề di chuyển mà lại đến, nên gọi là “Lai”. Đây là Như Lai pháp thân, là cảnh giới pháp thân.

Thứ hai, Như Lai báo thân: Trong Chuyển Pháp Luân Luận nói: Đệ nhất nghĩa đế “không hữu viên dung” vốn là không hai, nên gọi là “Như”, Chánh giác gọi là “Lai”. Tự nhiên khế hợp đệ nhất nghĩa đế, thành Đẳng chánh giác. Đây là Như Lai báo thân.

Thứ ba, Như Lai ứng thân: Thành Thật Luận nói: từ đạo mà Như Lai đã hành trong quá khứ, đến thành tựu Vô thượng chánh giác, đây là Như Lai ứng thân. Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện làm thái tử, ngồi dưới cây thấy sao sáng mà thành đạo, đây chính là Như Lai ứng thân.

Do Như Lai có pháp thân, báo thân, hóa thân, nên sự giải thích về “Như Lai” cũng có ba kiểu khác nhau.

2. “Ứng Cúng.” Muôn hạnh của Phật đều viên mãn, phước tuệ đầy đủ, xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hết thảy trời người, nên gọi là “Ứng Cúng”.

3. “Đẳng Chánh Giác.” Âm tiếng Phạn là “tam-miệu tam-bồ-đề”, gọi đầy đủ là “A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”, xưa dịch là “Vô thượng chánh biến tri”. Không có bất kỳ đạo nào có thể vượt hơn, nên là Vô thượng. Đối với lý thể thực tế có thể thấu tỏ, nên gọi là chánh biến tri.

4. “Minh Hạnh Túc.” Từ “minh” có nhiều cách giải thích

Giải thích thông thường thì có ba minh là: túc mạng, thiên nhãn và lậu tận.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: “Minh” là trí tuệ.

Duy chỉ có kinh Niết-bàn là giải thích sâu nhất. Trong kinh Niết-bàn nói: Đắc vô lượng thiện quả tức là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, gọi là “minh”. Thiện quả là chỉ cho A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

“Hạnh túc.” Kinh Niết-bàn nói: “hạnh” gọi là cước túc, cước túc chính là giới tuệ. Tu giới tu tuệ, công đức viên mãn, chứng đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, thì gọi là “Minh Hạnh Túc”. Do đó, “Minh Hạnh Túc” nghĩa là giới và định tuệ đều đầy đủ viên mãn, chứng nhập Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

5. “Thiện Thệ”: “Thiện” là khéo, “thệ” là đi. “Thiện thệ” còn gọi là “khéo đi”. Trong Đại Trí Độ Luận nói: khéo đi chính là đi trong các loại tam-muội thâm sâu và vô lượng đại trí tuệ. Phật dùng hết thấy đại trí tuệ làm cỗ xe lớn để đi trên con đường giác bát chánh đạo, chứng nhập niết-bàn, gọi là khéo đi.

6. “Thế Gian Giải.” Cũng gọi là “tri thế gian”. Tổng hợp các cách nói trong sách Tịnh Ảnh, Chân Giải, Hội Sớ thì “thế gian giải” chính là trí tuệ thù thắng trong việc hóa độ chúng sanh. Như Lai biết rõ như thật các pháp nhân quả của thế gian và xuất thế gian để giáo hóa chúng sanh, khiến họ được giải thoát.

7. “Vô Thượng Sĩ.” Trên trời dưới đất, chỉ có Phật là tôn quý nhất, nên gọi là “Vô Thượng”. Người có cái để tu, có cái để đoạn thì gọi là “Hữu Thượng Sĩ”. Người không còn điều gì để đoạn mới gọi là “Vô Thượng Sĩ”.

Trong Trí Độ Luận nói: Phật sẽ dẫn dắt hết thấy chúng sanh vào niết-bàn. Trong tất cả pháp, niết-bàn là vô thượng. Phật dùng trì giới, thiền định, trí tuệ để giáo hóa chúng sanh, không người nào có thể sánh bằng, lại càng không thể vượt qua, nên gọi là “Vô Thượng Sĩ”.

8. “Điều Ngự Trượng Phu.” “Điều ngự” là điều phục. Khéo điều phục hết thấy chúng sanh, khiến lìa cấu nhiễm, đạt được đại niết-bàn, gọi là Điều Ngự Trượng Phu.

Trong Hợp Tán nói: “Nếu đầy đủ bốn pháp thì gọi là trượng phu.”

Thứ nhất, gần gũi thiện tri thức. Thiện tri thức chính là Như Lai. Người có chánh tri chánh kiến được gọi là thiện tri thức. Gặp được thiện tri thức, nên tôn kính như tôn kính Như Lai.

Thứ hai, có thể nghe pháp. Khi Phật nói kinh Hoa Nghiêm, những vị có đại trí tuệ và đại thần thông đều như điếc như mù. Có thể thấy, có thể nghe pháp không phải là chuyện nhỏ, cần phải có tâm chí thành cung kính, không được cống cao ngã mạn, tự cho là đúng. Phải lắng nghe với tâm khiêm hạ, không cảm thấy chán thấy đủ thì mới có thể tiếp nhận.

Thứ ba, tư duy nghĩa lý. Không những có thể nghe, mà còn khéo tư duy, quy về chính mình, không phải chỉ chạy theo câu chữ. Những câu trong kinh luận chỉ là lời chết, dù học vắn nhiều đến đâu, cũng chỉ là đại từ điển Phật học sống mà thôi. Cần quy về chính mình, dung nhập vào trí tuệ thù thắng của bản thân, hun đúc nó

phát ra bản giác của chính mình. Trí tuệ thù thắng của bản giác ở bên trong đốt cháy vô minh; hiện nay lại có sự nghe biết từ bên ngoài cũng đang đốt cháy vô minh, như vậy vô minh mới chuyển biến nhanh, lúc đó mới biến câu chữ chết trở thành câu chữ sống.

Thứ tư, tu hành theo lời dạy. Có thể nói mà không thể hành thì không phải đại trượng phu. Nói một trượng, không bằng hành một tấc.

Đầy đủ bốn điều trên mới là đại trượng phu. Trong Trí Độ Luận nói: Trượng phu cũng bao gồm phụ nữ, người có hai căn hoặc vô căn v.v..

9. “Thiên Nhân Sư.” Có thể dùng chánh pháp để giáo hóa người và trời thì gọi là Thiên Nhân Sư. Hết thấy cõi trời, cõi người, Đế-thích, Phạm Thiên, trời rồng, các loại dân chúng, cho đến ma vương và ngoại đạo đều đến làm đệ tử, nên gọi là Thiên Nhân Sư.

10. “Phật Thế Tôn.” “Phật” là chỉ cho ba thứ giác đều viên mãn. “Thế Tôn” tức là Bà-già-phạm (Bhagavan), đầy đủ các đức, được thế gian tôn kính, nên gọi là Thế Tôn.

Mười hiệu nói trên là đức hiệu chung; còn “Thế Gian Tự Tại Vương” là đức hiệu riêng.

“Trụ thế giáo hóa bốn mươi hai kiếp. Khi ấy vì chư thiên và người đời mà thuyết kinh giảng đạo.”

Giáo hóa bốn mươi hai kiếp, thời gian rất dài. Chư Phật trụ thế với thời gian dài ngắn không như nhau, Thích-ca Mâu-ni Phật trụ thế rất ngắn, còn Thế Gian Tự Tại Vương Phật thì rất dài. “Khi ấy vì chư thiên và người đời mà thuyết kinh giảng đạo”, thuyết pháp cho mọi người, khai thị chánh đạo, con đường dẫn đến quả vị Phật thì gọi là đạo.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Có đại quốc chủ tên Thế Nhiêu Vương, nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, liền phát tâm hướng về đạo Vô thượng chân chánh, bỏ ngôi vua, trở thành sa-môn, hiệu là Pháp Tạng.

“Có đại quốc chủ tên Thế Nhiêu Vương, nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải.”

Trong thời kỳ Thế Gian Tự Tại Vương Phật hoàng pháp, có một đại quốc vương, tên là Thế Nhiều Vương. Quốc vương này là tiền thân nhiều kiếp về trước của A-di-đà Phật. Khi nghe Thế Gian Tự Tại Vương Phật giảng pháp, trong tâm hoan hỷ hơn hở, hết sức vui mừng, hơn nữa, tâm chợt khai ngộ, lý giải được nghĩa chân thật của Như Lai. Đối với người học Phật mà nói, bất chợt khai giải như vậy là một sự đột phá rất quan trọng, gọi là đại khai viên giải. Cần phải khai giải, hơn nữa là đại khai viên giải. Đó là sau khi thâm nhập kinh luận thì bất chợt từ trong văn tự thoát ra ngoài, vươn đến thật nghĩa của văn tự.

“Liên phát tâm hướng về đạo Vô thượng chân chánh.”

“Liên” là ngay sau đó. “Liên phát” là tiếp đó lập tức phát khởi “tâm hướng về đạo Vô thượng chân chánh”. “Đạo Vô thượng chân chánh” chính là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, là con đường mà Phật chứng đắc. “Tâm” là chỉ cho tâm ý, tức chỉ cho cái tâm hướng về. Cho nên “phát tâm hướng về đạo Vô thượng chân chánh” chính là phát tâm đại bồ-đề vô thượng.

“Bỏ ngôi vua, trở thành sa-môn, hiệu là Pháp Tạng.”

Đây là hành động thực tế của Thế Nhiều Vương sau khi phát tâm bồ-đề. “Bỏ” là từ bỏ. Thế Nhiều Vương đã từ bỏ địa vị quốc vương, đây là làm gương cho chúng sanh. Trong xã hội phong kiến, quốc vương là người có địa vị tôn quý nhất, đồng thời giàu có cả bốn bề, hưởng thụ đệ nhất trong nhân gian. Thế nhưng sau khi nghe pháp, ngài kiên quyết từ bỏ tất cả, biểu hiện tâm xuất ly chân thật, đây cũng là điều cơ bản của việc học đạo. Nếu biểu hiện ra bên ngoài là hoàng pháp lợi sanh, giảng kinh thuyết pháp, mà sâu thẳm trong tâm luôn bị thanh sắc tài lợi, công danh phú quý, tiếng tăm địa vị, ân ái tình thân trói chặt không thể thoát ly, như vậy mà muốn thành đạo thì mời bạn đợi đến năm con lừa vậy.

Trước đây, người xuất gia của các tôn giáo đều được gọi là sa-môn, về sau trở thành cách gọi riêng cho tăng sĩ Phật giáo. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Biết tâm đạt bản, rõ pháp vô vi, thì gọi là sa-môn.” “Biết tâm” là nhận biết bản tâm của chính mình. “Bản” là thông đạt bản thể của vạn pháp, cũng chính là nguồn gốc. Có thể thấy, muốn làm một sa-môn danh xứng với thực không hề dễ.

Tóm lại, đoạn kinh văn trên nói: Thế Nhiều Vương không làm vua nữa, mà xuất gia làm tăng, pháp danh là Pháp Tạng. Tỳ-kheo Pháp Tạng chính là A-di-đà Phật khi còn ở nhân địa; sau khi ngài thành Phật mới gọi là quả địa.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Tu đạo Bồ-tát, tài cao dũng triết, đặc biệt hơn đời, tin hiểu nhớ rõ, đều là bậc nhất. Lại có hạnh nguyện thù thắng và niệm huệ lực, để tăng thêm tâm ấy, kiên cố bất động, tu hành tinh tấn, không ai hơn được.

“Tu đạo Bồ-tát, tài cao dũng triết.”

“Tu đạo Bồ-tát”, tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm bồ-đề, nên tự nhiên phải hành hạnh Bồ-tát.

“Tài cao dũng triết”, trong Tịnh Ảnh Sớ nói: “tài” là tài giỏi, tài năng. “Tài cao” là chỉ tài năng vượt hơn người thường. Tâm chí rộng lớn và kiên cường thì gọi là “dũng”. Nghèo hèn không lay chuyển, quyền thế chẳng khuất phục, giàu sang không sa đọa, mọi hoàn cảnh chẳng thể làm dao động thì mới là bậc có chí thực sự, như thế mới gọi là dũng. Sáng tỏ tâm mình thì gọi là “triết”, “triết” của tỳ-kheo Pháp Tạng là hiểu rõ tâm mình, thấy rõ tâm mình.

Trong Gia Tường nói: Tài năng vượt trội mọi người thì gọi là tài cao. Như trong cuộc đua, nếu bạn về đầu thì bạn đều vượt qua mọi người, bạn chính là số một.

Trong Gia Tường nói: “Dũng” là thắng chính mình, thắng bên ngoài.

1. “Thắng chính mình.” Là vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân, đây gọi là dũng, xác thực là bậc đại dũng. Chính mình là ai? Đối tượng chiến thắng là ai? Đó chính là kiến chấp của bản thân, đặc biệt là thành kiến của mình. Hoàng Niệm lão đã viết lời nhắn nhủ cho một người bạn lúc sắp chia tay, ý nghĩa rất sâu. Ngài nói như sau: “Tôi nói, nếu anh lấy tư tưởng của mình làm cốt lõi, dẫu anh thường xuyên đọc kinh, thậm chí đọc hết toàn bộ Đại tạng kinh thì cũng chỉ là lấy vài câu hữu ích để tô điểm trang sức cho cái tư tưởng ấy mà thôi. Anh cho rằng đó là dụng công, là nâng cao bản thân, thật ra anh không hề biết cái cốt lõi đó của anh chính là tể bào ung thư.” Lời của Niệm Lão nói với chúng ta: “Xả thân dễ, xả kiến khó”, thật sự có thể buông bỏ, rất không dễ dàng. Vì vậy chúng ta học Phật trước hết phải “thắng chính mình”.

2. “Thắng bên ngoài.” Thắng bên ngoài có hai phương diện:

Thứ nhất, phải chiến thắng mọi sự quấy nhiễu bên ngoài. Đây là những thứ ở bên ngoài, không phải của chính mình. Đó chính là: nghèo hèn, quyền thế, giàu sang, sắc đẹp, vàng bạc, đều gọi là bên ngoài. Còn có nhiều tà thuyết dị đoan cũng cần phải chiến thắng.

Thứ hai, giúp người khác diệt tế bào ung thư, cùng nhau hướng về đại đạo bồ-đề. Đây chính là thắng bên ngoài. Mọi người nên hết sức thận trọng, đừng hình thành tà kiến trong tâm, bằng không thì bạn sẽ đi ngược lại con đường thành Phật. Nếu có thể phá trừ tà kiến của mình, không để nó làm chủ, không để nó điều khiển ra lệnh thì mới có thể gọi là dũng triết. Do vậy, ý nghĩa của hai chữ “dũng triết” rất sâu.

“Đặc biệt hơn đời.”

Trong Hội Sớ nói: Điều này người thường không thể làm được, nên gọi là đặc biệt hơn đời.

Sách Tịnh Ảnh nói: Tỳ-kheo Pháp Tạng “riêng mình ngai đức hạnh vượt trời”, gọi là “đặc biệt hơn đời”. “Riêng mình” là cô độc, cô đơn. “Riêng mình vượt trời” chính là “riêng mình sáng rõ môn một” mà thiền sư Lâm Tế đã nói. Ngài Lâm Tế dùng “riêng mình sáng rõ”, ngài Tịnh Ảnh dùng “riêng mình vượt trời”. “Vượt” nghĩa là hiện ra, sáng tỏ, nên “riêng mình vượt trời” chính là “riêng mình sáng rõ”. “Riêng mình” chính là câu “không cùng muôn pháp làm bạn” của Thiền tông, không làm bạn với bất kỳ một pháp nào. “Không có bất kỳ người bạn nào” miêu tả sống động hàm nghĩa của từ “riêng mình”.

Thiền sư Bách Trượng nói: “Linh quang sáng tỏ, thoát hẳn căn trần.” Đây là cảnh giới chứng ngộ. Trong đó, “linh quang sáng tỏ” với “riêng mình sáng rõ” là một. “Riêng mình” là không trụ vào đâu; “sáng rõ” là sanh tâm ấy. Không trụ vào đâu thì lìa vọng duyên, lìa vọng duyên thì tự nhiên chân tâm hiển hiện. Do vậy thiền sư Bách Trượng nói: “Chỉ cần lìa vọng duyên, tức là như như Phật”, đây chính là diệu nghĩa của từ “riêng mình sáng rõ”. “Môn một” là rất rõ ràng, sáng tỏ phân minh. Thiền tông nói: “Thấy rõ ràng mà không gì để thấy, không gì để thấy mà thấy rõ ràng.” Thông qua cụm từ “riêng mình sáng rõ môn một” của Tông môn, có thể hiểu rõ diệu đức “riêng mình ngai đức hạnh vượt trời” của tỳ-kheo Pháp Tạng và nguyên nhân vì sao gọi là “đặc biệt hơn đời”.

Sách Hợp Tán đối với từ “đời” trong “đặc biệt hơn đời” có cách nói khác, đó là: Trước khi đăng địa thì gọi là thế gian; Bồ-tát đã đăng địa thì mới gọi là xuất thế gian. Do vậy, khi ấy có thể ngài Pháp Tạng ở địa vị Bồ-tát đăng địa mà phát tâm. Dù sách Hợp Tán chưa dám khẳng định, nhưng ngài Đàm Loan, Gia Tường, Thiện Đạo và sách Chân Giải đều cho rằng khi đó ngài Pháp Tạng đã là Bồ-tát đăng địa.

“Tin hiểu nhớ rõ, đều là bậc nhất.”

“Tin” là chỉ cho tin tưởng và tiếp nhận. Trong Đại Thừa Nghĩa Chương nói: Đối với tam bảo Phật pháp tăng nếu có thể sanh tín tâm thanh tịnh, không hoài nghi thì gọi là “tin”. Tin rất quan trọng. Trong bản dịch kinh Hoa Nghiêm thời Tấn nói: “Niềm tin là nguồn đạo, là mẹ của công đức.” Niềm tin là nguồn gốc của đạo, là mẹ của công đức.

“Hiểu” là chỉ cho hiểu rõ, khai giải. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: tín, giải, hành, chứng. Trước hết phải có tín giải thì mới có hành chứng.

“Nhớ rõ” là ghi nhớ rất rõ ràng, rất chính xác.

“Đều là bậc nhất” có hai cách giải thích:

1. Năng lực tín giải tối cao vô thượng, không ai hơn được.
2. Sự hiểu của ngài Pháp Tạng không rơi vào hai bên, không bị giới hạn, đều hợp nhất với đệ nhất nghĩa đế. Do vậy, người viên đốn thì pháp pháp đều viên đốn, không pháp nào chẳng phải pháp viên đốn.

Hai cách giải thích này không hề mâu thuẫn, vì những gì được hiểu đều là đệ nhất nghĩa đế. Cho nên, tỳ-kheo Pháp Tạng là “tin hiểu nhớ rõ, đều là bậc nhất”, không ai sánh bằng.

“Lại có hạnh nguyện thù thắng.”

“Thù” là đặc thù. “Thắng” là vượt trội. Siêu phàm thoát tục, hiếm có khó gặp, nên gọi là thù thắng. “Hạnh” là chỉ thân hành, “nguyện” là chỉ tâm nguyện.

Trong Bồ-đề Tâm Luận nói: “Người cầu bồ-đề, phải phát tâm bồ-đề, tu tâm bồ-đề.” Phát tâm bồ-đề là nguyện, tu tâm bồ-đề là hạnh, vì thế người cầu bồ-đề phải có nguyện và hạnh. Tín nguyện hạnh là ba tư lương, một thứ cũng không thể thiếu, giống như giá đỡ máy ảnh có ba chân, thiếu một chân trụ cũng không được.

Tín tâm thù thắng của tỳ-kheo Pháp Tạng thuộc hàng đệ nhất, ở trên đã giới thiệu rồi. Cho nên tiếp theo sẽ giới thiệu về nguyện và hạnh. Từ “nguyện” rất quan trọng, đây là then chốt của việc tự giác, giác tha. Nguyện từ tín mà có, có lòng tin thì mới tình nguyện đi làm. Nguyện là quả của tín, hơn nữa có nguyện thì chắc chắn sẽ sinh ra hành động, do vậy nguyện là điểm then chốt để “từ tín mà khởi hạnh”.

Bởi vì A-di-đà Phật đã phát thệ nguyện lớn như biển, gọi là “đại nguyện vương”. Để chứng biển nguyện ấy, tỳ-kheo Pháp Tạng đã tích công lũy đức trong vô lượng kiếp, nhất tâm trang nghiêm cõi Tịnh độ Cực Lạc. Ngài từ đại nguyện mà sinh ra đại lực, sinh ra đại hạnh, thành tựu nên đủ loại y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc và pháp môn Tịnh độ độ khắp chúng sanh. Trong đó, “nguyện” là yếu tố then chốt.

“Và niệm huệ lực.”

“Niệm huệ lực” là một trong năm lực. Từ năm căn: tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, thông qua tu trì mà được tăng trưởng, từ đó sinh ra sức mạnh, không bị các loại phiền não ngoại ma phá hoại, cho nên gọi là ngũ lực. Mọi người chẳng phải không tin Phật, chỉ có điều không vượt qua được sự khảo nghiệm của cảnh giới. Mọi người một khi nhìn thấy những công năng kỳ lạ thì liền mất lòng tin đối với Phật pháp. Thế nên, chữ “lực” rất quan trọng. Trong ngũ lực thì niệm lực và huệ lực đặc biệt quan trọng, cho nên nêu hai lực này để đại diện cho cả năm lực.

Đại sư Linh Phong nói: Niệm căn tăng trưởng thì có thể tiêu trừ tà niệm, đồng thời tăng trưởng công đức chánh niệm xuất thế, sức mạnh này chính là niệm lực. Đại sư nói: Huệ lực có thể dừng được các thông hoặc. Thông hoặc là:

1. Kiến tư hoặc: phá được kiến tư hoặc thì gọi là “lậu tận”, có thể chứng A-la-hán.

2. Trần sa hoặc: không biết có vô lượng phương pháp ứng với vô lượng bệnh của chúng sanh, thì gọi là trần sa hoặc.

Biệt hoặc chính là vô minh hoặc: đây là chỉ cho hoặc mà Bồ-tát của Biệt giáo cần phải phá, nên gọi là “biệt hoặc”.

Huệ lực có thể dừng kiến tư, trần sa và vô minh biệt hoặc, nhưng chỉ là dừng hoặc, không phải trừ tận gốc. Sức mạnh của trí tuệ có thể dừng được ba hoặc thì có thể phát khởi trí tuệ chân thật vô lậu, do vậy huệ lực rất quan trọng.

“Để tăng thêm tâm ấy.”

“Tăng thêm” nghĩa là có một sức mạnh có thể giúp tăng trưởng, ví dụ: bón phân, tưới nước, trừ bệnh gây hại, chiếu sáng cho cây cối, làm đúng phương pháp thì cây cối sẽ phát triển. “Tăng thêm” chính là ý nghĩa này. Ở đây cần chú ý là tăng thêm điều gì? Là “tăng thêm tâm ấy”.

Kinh Kim Cang nói: “Nên không trụ vào đâu mà sanh tâm ấy.” “Tăng thêm tâm ấy” với “sanh tâm ấy” trong kinh Kim Cang là một. Cái được tăng thêm chính là tâm “không trụ vào đâu” trong kinh Kim Cang, đó cũng chính là tâm nhiệm màu sáng suốt vốn có của mỗi người, chứ không phải là vọng tâm. Cái tâm hiện đang làm chủ của mỗi người chính là vọng tâm, bạn đã nhận giặc làm con.

Mọi người đều dùng vọng tâm mà xử sự, nhận giặc làm người thân, cho nên là kẻ đáng thương xót. Chính vì thế mà chân tâm nhiệm màu sáng suốt vốn có của chính mình giống như mặt trời bị mây bao phủ dày đặc, nên mọi người chỉ nhìn thấy mây đen, một chút ánh sáng của mặt trời cũng không thể xuyên qua. Mọi người chính là bị mê ở chỗ này.

Trên thực tế, muôn ngàn pháp chỉ là một pháp, “phương tiện có nhiều cửa, đường về nguồn không hai”. Thật sự đăng đường nhập thất, kỳ thực chỉ là một việc. Bất luận tu pháp gì mà không hợp với nguyên tắc này thì mãi chỉ là kẻ ngoài cửa.

Tâm Kinh nói: “Không sanh không diệt, không tăng không giảm.” Nếu vậy thì còn sanh tâm gì, tăng thêm tâm gì nữa? Câu nói này là dành cho phàm phu. Ví như tấm gương sáng, trên mặt gương bám cáu bẩn dày cộm, vậy tấm gương này không soi được gì. Do vậy, cần phải lau sạch cáu bẩn thì ánh sáng của gương sẽ hiện ra. Tu hành cũng như vậy, chỉ là khôi phục lại ánh sáng vốn có mà thôi. Bởi vì ánh sáng không từ ngoài mà có, khi không thể chiếu sáng, ánh sáng cũng không mất đi; khi được lau sạch, ánh sáng cũng không tăng thêm, cho nên nói “không tăng không giảm”.

Thế nhưng trước khi bạn lau gương thì gương không soi được; khi mặt gương được lau sạch thì có thể soi. Nói về công dụng để soi thì đây chính là “tăng”. Còn đối với bản thể mà nói thì không có tăng giảm. Tu đức có công thì tánh đức mới hiển lộ. “Tăng thêm” là chỉ cho tu đức. Đối với bản thể của đức thì cần có việc tu đức để đức hiển lộ, vì thế mới có khái niệm “tăng thêm”.

“Kiên cố bất động.”

Bản thể vốn không sanh không diệt, không tăng không giảm, hơn nữa là “kiên cố bất động”. “Kiên” là kiên định, “cố” là vững chắc, “bất động” là chỉ cho không lay động. Tín giải chí nguyện và niệm lực huệ lực của tỳ-kheo Pháp Tạng hoàn toàn kiên cố, không thể lay chuyển, không bị hết thảy làm cho dao động, giống như kim cang bát-nhã có thể phá trừ tất cả, nhưng không thứ gì phá trừ được, nguyện của ngài kiên cố, không hề dao động.

Kinh Kim Cang nói “như như bất động”, chữ “như” đầu là động từ, chữ “như” sau là danh từ. Ví như chân như, không hề dao động, không bị mất đi, an trụ trong trạng thái như như, niệm niệm không chuyển dời. Đây cũng không phải là cây khô tro tàn, cũng không phải trụ vào “không”, thứ gì cũng chẳng có. “Như như” là tràn đầy sức sống, “bất động” cũng giống với “như như”. Đây là lời giải thích cho “kiên cố bất động”.

“Tu hành tinh tấn, không ai hơn được.”

“Tinh” là chỉ cho tinh thuần, không có tạp nhiễm vẩn đục. “Tấn” là nâng cao tiến lên, không lười biếng. “Hơn” là vượt qua. Sự tu hành tinh tấn của tỳ-kheo Pháp Tạng đứng đầu trong đại chúng nơi thế giới của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, không ai có thể sánh bằng, càng không ai vượt qua được ngài. Thế nên nói là “không ai hơn được”. Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.